

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/DS-ST
Ngày 15 – 4 – 2024
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hoài Yên

2. Ông Trần Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 620/2023/TLST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp Tân Th, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hoàng Trung H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị T theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2023 (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Trương Văn C, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2017, ông Trương Văn C vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 35.000.000 đồng đến ngày 12/4/2022, ông C viết biên nhận nợ tiền và cam kết đến ngày 30/11/2022 (dương lịch) sẽ trả cho chị T một phần, phần còn lại sẽ trả từ từ cho đến khi xong khoản nợ trên. Tuy nhiên, ông C không thực hiện đúng cam kết nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C trả một lần cho chị T số tiền vay còn nợ là 35.000.000 đồng cùng tiền lãi tính từ ngày 30/5/2022 (âm lịch) đến ngày 30/10/2023 (âm lịch) theo mức lãi suất 1,66%/tháng là 11.039.000 đồng, tổng hai khoản chị T yêu cầu ông C trả một lần với số tiền 46.039.000 đồng (bốn mươi sáu triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng) và tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất

nêu trên tính từ ngày 30/11/2023 đến khi Tòa án xét xử vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 30/11/2022 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là 16 tháng 16 ngày theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng 0,833%/tháng với số tiền lãi là 4.802.000 đồng, tổng hai khoản vốn và lãi chị T yêu cầu ông C trả với số tiền 39.802.000 đồng. Đối với khoản lãi từ ngày 30/11/2022 (dương lịch) trở về trước, chị T không yêu cầu ông C trả. Ngoài ra, chị T không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với ông Trương Văn C (bị đơn), Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng ông C không đến Tòa, không gửi văn bản đề nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng, tuy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của nguyên đơn nhưng căn cứ vào biên nhận ngày 12/4/2022 do bị đơn viết và ký tên cùng với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi, do bị đơn vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh có hay không việc thỏa thuận mức lãi suất phải trả, việc trả tiền vốn, tiền lãi cho nguyên đơn là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình nên lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn được chấp nhận, cũng chính việc bị đơn không trả nợ theo cam kết đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 30/11/2022 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 16 tháng 16 ngày theo mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do đó, số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: (16 tháng 16 ngày x 35.000.000 đồng) x 10%/năm = 4.822.000 đồng (bốn triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng). Đối với khoản thời gian vay từ năm 2017 đến trước ngày 30/11/2022 (dương lịch), nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi - Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Với nhận định tại các đoạn [2], [3] và [4] nêu trên, cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn và lãi là 39.822.000đ (ba mươi chín triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng) là phù hợp.

[6] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

Buộc ông Trương Văn C trả cho chị Nguyễn Thị T tổng các khoản với số tiền là 39.822.000đ (ba mươi chín triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trương Văn C không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Văn C phải chịu số tiền 1.991.000 đồng (một triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng, chưa nộp).

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu. Ngày 27/12/2023, chị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.151.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003144 được trả lại toàn bộ cho chị T.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lâm Hoài Ân